

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DSST  
Ngày 23/5/2022  
V/v: “Tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu M Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng
2. Ông Bùi Thế Hanh

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Thanh H - Thư ký TAND huyện H Hòa

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H Hòa tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: thụ lý số 184/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà 74, TDP 1, thị trấn Thắng, huyện H Hòa, Bắc Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Hữu M, sinh năm 1965

Bà Trịnh Thị Ha, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Thắng, huyện H Hòa, tỉnh Bắc Giang (đều vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Doãn Thị Bảo L, sinh năm 1973 (là vợ và cùng địa chỉ với ông H), vắng mặt.

- Anh Vũ Tiến Đạt, sinh năm 1994 (là con trai và cùng địa chỉ với ông M, bà Ha), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 07/12/2021 và các bản tự khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Giữa ông và vợ chồng ông M, và

Ha có mối quan hệ quen biết nhau. Sau khi vợ chồng ông M hỏi vay tiền, ngày 03/11/2015, ông đã cho vợ chồng ông M vay số tiền 640.000.000đ để làm ăn kinh tế, hai bên thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 03/11/2015, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau theo lãi suất Ngân hàng. Việc vay tiền có viết giấy biên nhận, trong đó có thỏa thuận nếu đến thời hạn trả nợ mà ông M, bà Ha không trả được tiền thì sẽ trả bằng  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu ( PC 200-8) mà ông M đang sử dụng, giá trị chiếc máy là 1.500.000.000đ, đồng thời, khi vay tiền có mặt bà Ha (là vợ ông M), anh Đạt (con trai ông M, bà Ha) và cùng ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, hết hạn trả nợ, ông M và bà Ha không trả cho ông khoản tiền nào, còn máy xúc ông M đã bán cho người khác. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông M, bà Ha trả cho số tiền gốc 640.000.000đ và lãi theo quy định từ khi vay cho đến khi xét xử xong.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Vũ Hữu M thừa nhận việc vay của ông H số tiền 640.000.000đ vào ngày 03/11/2015 để trả nợ ngân hàng và thỏa thuận thời hạn vay trong 1 tháng, nếu không trả được thì sẽ trả bằng  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu ( PC 200-8) mà ông đang sử dụng. Khi vay tiền có viết giấy biên nhận, vợ ông (bà Ha) và con trai ông (anh Đạt) cùng ký. Tuy nhiên, lãi suất mà đôi bên thỏa thuận miệng với nhau là lãi ngày, cụ thể là 3000đ/ triệu/ ngày. Trong thời gian vay, ông đã trả cho ông M đủ tiền lãi theo thỏa thuận. Sau đó, do không đủ tiền trả nên ông đã thanh toán cho ông H giá trị 01 chiếc xe ô tô tải (là tài sản thuộc sở hữu chung của ông và Công ty Hà Quy) trị giá 300.000.000đ (Công ty Hà Quy có xuất hóa đơn bán cho ông H năm 2015). Số tiền còn lại là 340.000.000đ, ông đã vay tiền mặt của Công ty Hà Quy và trả trực tiếp cho ông H bằng. Nay ông xác định tổng số tiền ông đã trả cho ông H là 700.000.000đ nhưng không lưu giữ được giấy tờ, tài liệu gì, hiện ông không còn nợ ông H nữa nên không nhất trí trả nợ.

Tại các bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Doãn Thị Bảo L (vợ ông H) thống nhất với các ý kiến trình bày của ông H, bà cũng yêu cầu ông M, bà Ha trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 640.000.000đ và lãi theo quy định từ khi vay cho đến khi xét xử xong.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Trịnh Thị Ha (vợ ông M), anh Vũ Tiến Đạt (con ông M) đều thừa nhận có ký vào Giấy vay tiền nhưng không biết việc vay tiền giữa ông M và ông H như thế nào, việc ký là do ông H và ông M yêu cầu. Bà Ha và anh Đạt không được sử dụng số tiền này, mặt khác ông M cũng đã nói là đã gán xe và trả tiền cho ông H, nay không còn nợ nữa nên không nhất trí với yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu vợ chồng ông M – bà Ha phải trả nợ, không yêu cầu anh Đạt, ông yêu cầu trả số tiền gốc đã vay là 640.000.000đ và tiền lãi suất trên số nợ gốc này bằng mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước (9%/năm) kể từ ngày hết hạn trả nợ, tức là ngày 03/12/2015 (sau 1 tháng kể từ ngày vay vì giấy vay không ghi lãi suất trong thời hạn vay) đến ngày xét xử sơ thẩm. Sau ngày xét

xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, ông yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc vợ chồng ông Vũ Hữu M – bà Trịnh Thị Ha có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H – bà Doãn Thị Bảo L số tiền gốc là 640.000.000đ và tiền lãi suất là 372.800.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và lãi suất là 1.012.800.000đ

- Về án phí: Buộc vợ chồng ông Vũ Hữu M – bà Trịnh Thị Ha phải liên đới nộp 42.384.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là ông Vũ Hữu M, bà Trịnh Thị Ha và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Doãn Thị Bảo L, anh Vũ Tiến Đạt vắng mặt nhưng đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, cần áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của ông H và các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo thể hiện việc ông H khởi kiện đòi bị đơn số tiền theo giấy vay tiền ký kết giữa đôi bên. Mặc dù theo giấy vay tiền thể hiện thời hạn trả nợ vào tháng 12/2015, đến tháng 12/2021 ông H mới khởi kiện nhưng phía bị đơn chỉ cho rằng đã trả nợ mà không đưa ra ý kiến yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi. Vì vậy Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp vay tài sản là đúng quy định.

[3]. Xem xét xiệc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện tại phiên tòa: Theo đơn khởi kiện ban đầu, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà ông M, bà Ha, anh Đạt phải trả nợ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, tự nguyện chỉ yêu cầu ông M và bà Ha trả nợ, đồng thời chỉ yêu cầu tính lãi kể từ khi hết hạn trả nợ ghi trong giấy vay tiền theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H tại phiên tòa là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần áp

dụng quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H tại phiên tòa.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền do ông H xuất trình, lời khai của ông H và sự thừa nhận của phía bị đơn là ông M, bà Ha, anh Đạt, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 03/11/2015, vợ chồng ông M đã vay của vợ chồng ông H số tiền 640.000.000đ. Việc vay tiền có viết giấy biên nhận, trong đó có thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 03/11/2015, nếu đến thời hạn trả nợ mà ông M không trả được tiền thì sẽ trả bằng  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy xúc nhãn hiệu Komatsu ( PC 200-8) mà ông M đang sử dụng. Đến nay, phía bị đơn là vợ chồng ông M cho rằng đã trả hết nợ cho ông H nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo lời khai của ông M nhưng kết quả cho thấy lời khai của ông M là không có cơ sở. Việc vợ chồng ông M không trả tiền cho vợ chồng ông H theo thỏa thuận giữa đôi bên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của vợ chồng ông M với vợ chồng ông H. Vì vậy, việc ông H khởi kiện đòi vợ chồng ông M phải trả số tiền gốc đã vay 640.000.000đ là có căn cứ, phù hợp các quy định tại các Điều 275, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

*Về lãi suất:* Căn cứ vào các giấy vay tiền do đôi bên ký kết thì không thể hiện lãi suất, nay ông H cũng không yêu cầu tiền lãi suất trong thời hạn vay ghi trong giấy vay tiền, chỉ yêu cầu tính lãi suất kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất 9%/năm. Xét thấy yêu cầu của ông H là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Tổng tiền lãi mà vợ chồng ông M phải trả được tính như sau:

$(640.000.000\text{đ} \times 9\% \times 6 \text{ năm}) + (640.000.000\text{đ} \times 0,75\% \times 5 \text{ tháng}) + (640.000.000\text{đ} \times 0,75\% : 30 \times 20 \text{ ngày}) = 372.800.000\text{đ}.$

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất cần buộc vợ chồng ông M – bà Ha phải liên đới trả cho vợ chồng ông H là 1.012.800.000đ.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là vợ chồng ông M-bà Ha (không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí) phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông Nguyễn Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 26, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H: Buộc vợ chồng ông Vũ Hữu M – bà Trịnh Thị Ha phải liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H – bà Doãn Thị Bảo L số tiền gốc là 640.000.000đ và tiền lãi suất là 372.800.000đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 1.012.800.000đ (một tỷ không trăm mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Ông Vũ Hữu M và bà Trịnh Thị Ha phải liên đới nộp 42.384.000đ (bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 14.800.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007751 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện H Hoà
- Chi cục THA DS H Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Chu M Hà**